

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH L HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 121/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Người yêu cầu: Ông Phan Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 14, khu vực 4, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Người yêu cầu: Bà Lê Thị N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 14, khu vực 4, phường TX, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình L hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện L hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình L hôn giữa: Ông Phan Văn Th và bà Lê Thị N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Ông Phan Văn Th và bà Lê Thị N xác nhận vợ chồng có 03 con chung là Phan Thị L N1, sinh ngày 18/11/1994, Phan Thị Như Th1, sinh ngày 09/5/2001 và Phan Khánh L, sinh ngày 15/12/2011. Hiện Phan Thị L N1 đã trưởng thành, đã lập gia đình nên vấn đề nuôi con không đặt ra. Ông Th và bà N thoả thuận giao cháu Phan Thị Như Th1 cho ông Th nuôi dưỡng, giao cháu Phan Khánh L cho bà N nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Ông Th, bà N không yêu cầu cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Ông Phan Văn Th và bà Lê Thị N tự thoả thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Ông Phan Văn Th và bà Lê Thị N xác nhận không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Phan Văn Th và bà Lê Thị N mỗi người phải chịu 150.000đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đồng mà ông Th và bà N đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/004673 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, nên ông Th và bà N không phải nộp tiếp.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSNDTP H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND phường XP, TP H (ĐK số 34 ngày 18/7/1996);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

(Đã ký)

Trần Dũng